

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 117/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 5 - 2025
“V/v xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Anh Minh

Bà Trương Ánh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 180/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2025 về việc “xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị P. Sinh năm: 1981 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, liên kè F, khóm F, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

-Bị đơn: Ông Trần Hồng H. Sinh năm: 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, L, khóm F, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hoàng Thị P trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau vào ngày 09/7/2007, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 53, quyển số 01. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn về vấn đề dạy con, về công việc từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi và đã không còn chung sống từ năm 2019 cho đến nay. Nay xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn với ông H.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Trần Hoàng Thái H1, sinh ngày 25/3/2006 và Trần Hoàng Thái H2, sinh ngày

18/01/2011. Đối với cháu Thái H1 đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết. Bà yêu cầu nuôi cháu Thái H2, không yêu cầu ông H cấp dưỡng.

-Tài sản chung:Bà xác định không có

-Về nợ chung: Bà xác định không có

Đối với ông Trần Hồng H: Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đề ông H tham gia các phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử. Tuy nhiên, ông H vẫn vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ý kiến về các vấn đề nguyên đơn yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Hoàng Thị P xin ly hôn với ông Trần Hồng H được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn đang cư trú tại thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông H, bà P đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng tại phiên tòa xét xử ông H vắng mặt không có lý do, bà phương xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu của bà P về việc xin ly hôn với ông H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân của ông bà được xác lập trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà P trình bày quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi, nhiều mâu thuẫn từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã không còn chung sống từ năm 2019 cho đến nay nên bà xin ly hôn với ông H.

Do ông H không có ý kiến về việc bà P xin ly hôn với ông nên Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của bà P và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án nhận thấy tình trạng hôn nhân của ông H bà P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P cho bà được ly hôn với ông H.

[3] Về con chung: Bà P xác định quá trình chung sống bà và ông H có 02 con chung tên Trần Hoàng Thái H1, sinh ngày 25/3/2006 và Trần Hoàng Thái H2, sinh ngày 18/01/2011. Đối với cháu Thái H1 đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết. Bà yêu cầu nuôi cháu Thái H2, không yêu cầu ông H cấp dưỡng. Tại biên bản ghi ý kiến con chung ngày 04/4/2025, cháu Trần Hoàng Thái H2 có nguyện vọng sống chung với mẹ là bà Hoàng Thị P. Nhận thấy, ông H không có ý kiến về vấn đề con chung, bà P có nguyện vọng yêu cầu nuôi con chung là Trần Hoàng Thái H2 là phù hợp với nguyện vọng muốn được sống với

mẹ là bà P của cháu H2. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà P tiếp tục giao cháu Trần Hoàng Thái H2, sinh ngày 18/01/2011 cho bà P chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con chung mà không ai được cản trở. Đối với cháu Trần Hoàng Thái H1, sinh ngày 25/3/2006, đã trưởng thành bà P không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà P không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà P xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị P về việc xin ly hôn với ông Trần Hồng H.

2/ Con chung: Giao cháu Trần Hoàng Thái H2, sinh ngày 18/01/2011 cho bà P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Ông H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con chung mà không ai được cản trở.

3/ Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

4/ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Hoàng Thị P phải chịu 300.000 đồng. Ngày 27/3/2025 bà P đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo lai thu số 0010568 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu nộp Ngân sách nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Ú

